

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; Số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 14.09/CV-973 ngày 14/9/2022 của Công ty Cổ phần 973 về việc hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu phức hợp khách sạn, thương mại Atlantic Đồng Văn thuộc lô TM6 Khu đô thị Đồng Văn Xanh, thị xã Duy Tiên, Hà Nam;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần 973, địa chỉ văn phòng tại 327 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu phức hợp khách sạn, thương mại Atlantic Đồng Văn thuộc lô TM6 Khu đô thị Đồng Văn Xanh, thị xã Duy Tiên, Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Khu phức hợp khách sạn, thương mại Atlantic Đồng Văn thuộc lô TM6 Khu đô thị Đồng Văn Xanh, thị xã Duy Tiên, Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: lô TM6 KĐT Đồng Văn Xanh, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0700803813 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2018, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11 tháng 02 năm 2022. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700803813

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án đầu tư xây dựng Khu phức hợp khách sạn, thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án khoảng: 4.692,27 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Khách sạn tiêu chuẩn 4* quy mô 51 phòng và các dịch vụ: nhà hàng, hội nghị, hội thảo, trung tâm tiệc cưới...;

+ Căn hộ dịch vụ thương mại shophouse: 12 căn.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần 973

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần 973 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày /9/2022 đến ngày /9/2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- UBND thị xã Duy Tiên;
- Công ty Cổ phần 973 (*để thực hiện*);
- TT CNTT TN&MT (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hảo

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt khu vực khách sạn
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt khu vực khối dịch vụ thương mại shophouse 1.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt khu vực khối dịch vụ thương mại shophouse 2;
- + Nguồn số 04: Nước thải từ công đoạn giặt là.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh tiêu A3-1 thuộc địa phận phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải.

- Nước thải sau xử lý được xả thải vào công trình thủy lợi : kênh tiêu A3-1 thuộc địa phận phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0): X(m): 2283460, Y(m): 593817.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $97\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: xả cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

Chất lượng nước thải sinh hoạt từ khu vực Khách sạn và khu dịch vụ thương mại shophouse 1, 2 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải.

- Nguồn nước thải 01,02,03,04 được thu gom và dẫn theo đường ống về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý, sau đó dẫn qua đường ống HDPE d75 chiều dài 193m xả ra kênh tiêu A3-1 tại 1 điểm thải có tọa độ X(m): 2283460, Y(m): 593817.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

- Nước thải => Bể gom => Song chắn rác => Bể điều hòa kết hợp tách mỡ => Bể A-SBR (Bể thiếu khí => Bể hiếu khí => Bể thiếu khí => Bể hiếu khí) => Bể khử trùng => Hồ ga quan trắc => Kênh A3-1.

- Công suất thiết kế: 97m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: TCCA 90 Clorine để khử trùng, Cơ chất Metanol để cung cấp dinh dưỡng cho vi sinh, PAC (chất trợ lắng), NaOH (điều chỉnh pH nước thải) (hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Trong thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp, dự kiến từ ngày 04 đến ngày 06 tháng 08 năm 2024.

- Vị trí quan trắc: Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 97m³/ngày đêm.

- Thông số quan trắc: pH, TSS, TDS, BOD₅, NH₄⁺, PO₄⁻, NO₃⁻, S²⁻, tổng Coliforms, tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật (*Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1)*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Hoạt động của các thiết bị khu vực giặt đồ.
- + Nguồn số 02: Hoạt động của các thiết bị trong khu vực trạm xử lý nước thải
- + Nguồn số 03: Hoạt động của máy biến áp.
- + Nguồn số 04: Hoạt động của máy phát điện
- + Nguồn số 05: Hoạt động của xe cộ tại khu vực bãi đỗ xe.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000)

- + Nguồn số 01: phòng giặt đồ, tọa độ X = 2283529 Y = 593957
- + Nguồn số 2: tại trạm xử lý nước thải, tọa độ X= 2283537 Y= 593982
- + Nguồn số 03: Tại trạm biến áp, tọa độ X = 2283532 Y = 593983
- + Nguồn số 04: Tại khu vực phòng máy phát điện, tọa độ X = 2283530 Y = 593982
- + Nguồn số 05: Tại khu vực bãi đỗ xe, tọa độ X = 2283527 Y = 593907

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng 9
năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	160109	10
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	3
3	Giẻ lau dính dầu	180201	12
4	Các loại dầu mỡ thải	160108	35
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	160113	15
6	Chất tẩy rửa thải	160110	20
7	Pin thải	160112	7
Tổng cộng			102

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 947 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: tại các thùng, phuy, can.

- Kho lưu chứa

+ Diện tích kho: 8 m²

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được xây dựng có tường bao, mái che, nền được đổ bê tông, có hồ thu dầu, biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Kho lưu chứa có diện tích: 13 m².

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn;

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP